

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HK2 – KHỐI 12

PHẦN I: Trắc nghiệm chọn câu trả lời đúng nhất

Câu 1. Để LED sáng, điện áp U_{BE} cần phải:

- A. Nhỏ hơn 0.3V B. Lớn hơn 0.8V C. Bằng 0V D. Lớn hơn 1V

Câu 2. LED 5mm có dòng điện tối đa là:

- A. 5mA B. 10mA C. 20mA D. 50mA

Câu 3. Đồng hồ vạn năng dùng để:

- A. Đo điện áp B. Đo dòng điện C. Đo điện trở D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 4. Đơn vị đo hệ số khuếch đại β của transistor là:

- A. Volt B. Ampere C. Không có đơn vị D. Ohm

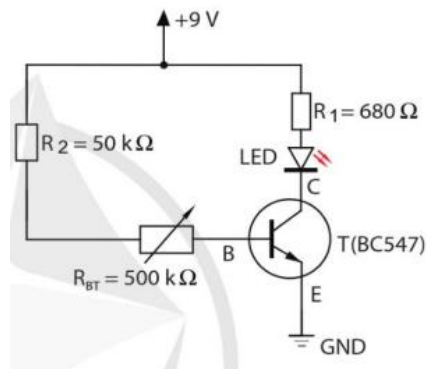
Câu 5. Để kiểm tra thông số của các linh kiện, học sinh cần sử dụng:

- A. Bo mạch thử nghiệm B. Hộp dây cắm C. Đồng hồ vạn năng D. Pin 9V

Câu 6. Transistor lưỡng cực là linh kiện điện tử có

- A. 2 điện cực. B. 3 điện cực. C. 4 điện cực. D. 5 điện cực.

Câu 7. Quan sát hình sơ đồ nguyên lý mạch bật tắt LED thông qua việc đóng mở transistor bên dưới hãy cho biết nguồn cung cấp mạch hoạt động bình thường là bao nhiêu?



- A. 8V B. 9V C. 10V D. 12V

Câu 8. Bước 1 của thực hành lắp ráp mạch điều khiển LED sử dụng transistor lưỡng cực là gì?

- A. Đo lường mạch.
B. Kiểm tra đánh giá mạch.
C. Trình tự lắp ráp mạch đảm bảo đúng, an toàn cho người và thiết bị.
D. Đọc và kiểm tra linh kiện.

Câu 9. Bước 2 của thực hành lắp ráp mạch điều khiển LED sử dụng transistor lưỡng cực là gì?

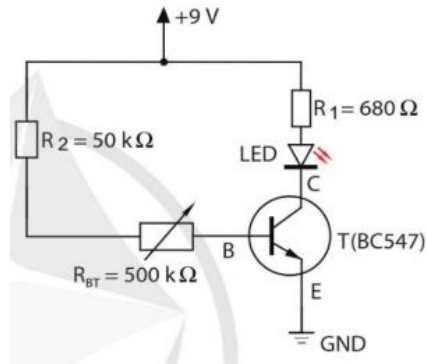
- A. Đo lường mạch.
B. Kiểm tra đánh giá mạch.
C. Trình tự lắp ráp mạch đảm bảo đúng, an toàn cho người và thiết bị.
D. Đọc và kiểm tra linh kiện.

Câu 10. Bước 3 của thực hành lắp ráp mạch điều khiển LED sử dụng transistor lưỡng cực là gì?

- A. Đọc linh kiện trong mạch.
B. Kiểm tra, đo lường đánh giá mạch.

- C. Trình tự lắp ráp mạch đảm bảo đúng, an toàn cho người và thiết bị.
D. Kiểm tra linh kiện.

Câu 11. Trong sơ đồ nguyên lý mạch điều khiển bật tắt LED sử dụng tranzitor lưỡng cực như hình bên dưới, các linh kiện điện tử được sử dụng gồm:



- A. 1 LED 5 (mm), 3 điện trở, 1 biến trở B500K, 1 transistor BC547.
B. 1 LED 5 (mm), 2 điện trở, 2 biến trở B500K, 1 transistor BC547.
C. 1 LED 5 (mm), 2 điện trở, 1 biến trở B500K, 1 transistor BC547.
D. 2 LED 5 (mm), 2 điện trở, 1 biến trở B500K, 2 transistor BC547.

Câu 12. Tín hiệu tương tự là:

- A. Tín hiệu có biên độ biến đổi liên tục theo thời gian
B. Tín hiệu có biên độ không biến đổi theo thời gian
C. Tín hiệu có tần số biến đổi liên tục theo thời gian
D. Tín hiệu có tần số không biến đổi theo thời gian

Câu 13. Tín hiệu tương tự được biểu diễn thông qua các đại lượng nào?

- A. Dòng điện hoặc công suất B. Dòng điện hoặc điện áp
C. Công suất hoặc thời gian D. Công suất hoặc tần số

Câu 14. Tín hiệu tuần hoàn thông thường có dạng

- A. hình sin B. đường thẳng song song với trục hoành
C. đường parabol D. đường thẳng đi qua trục tọa độ

Câu 15. Mạch khuếch đại biên độ có phần tử khuếch đại là:

- A. diode B. cuộn cảm C. transistor D. tụ điện

Câu 5: Trên thực tế có mấy cách cơ bản để điều chế tín hiệu?

- A. 2 cách B. 3 cách C. 4 cách D. 5 cách

Câu 16. Trong điều chế biên độ, thành phần nào của sóng mang thay đổi theo biên độ của tín hiệu cần truyền?

- A. Biên độ B. Tần số C. Góc pha D. Điện áp

Câu 17. Trong điều chế biên độ, thành phần nào của sóng mang thay đổi theo biên độ của tín hiệu cần truyền?

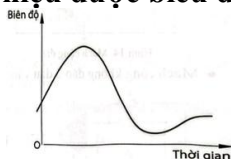
- A. Biên độ B. Tần số C. Góc pha D. Điện áp

Câu 18. Mạch giải điều chế tín hiệu còn được gọi là:

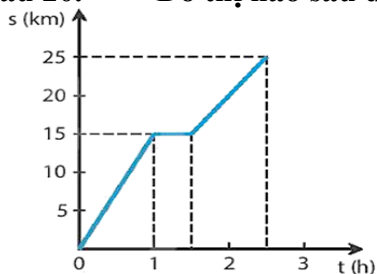
- A. Mạch trộn sóng B. Mạch tách sóng C. Mạch khuếch đại D. Mạch điều chế tín hiệu

Câu 19. Hãy cho biết tín hiệu được biểu diễn như hình bên thuộc loại tín hiệu nào?

- A. Tín hiệu tương tự.
B. Tín hiệu số.
C. Sóng mang.
D. Sóng sau khi điều chế.

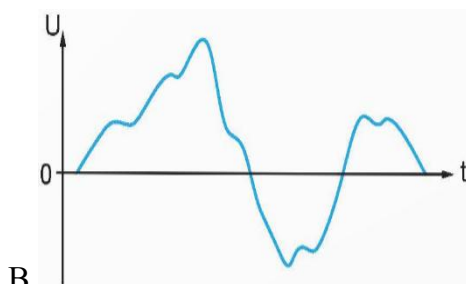


Câu 20. Đồ thị nào sau đây biểu diễn tín hiệu điện áp tương tự?

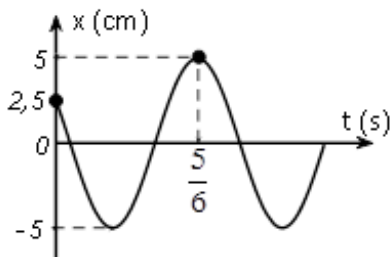


A.

Hình 10.4

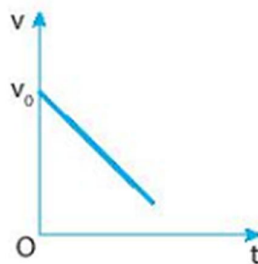


B.



C.

D.



Câu 21. Linh kiện nào sau đây *không* được sử dụng trong mạch khuếch đại?

- A. Điện trở B. Cầu dao C. Tụ điện D. Cuộn cảm

Câu 22. Mạch khuếch đại biên độ điện áp biến đổi biên độ tín hiệu lối ra biên độ tín hiệu lối vào

- A. Lớn hơn B. Nhỏ hơn C. Bằng D. Lớn hơn hoặc bằng

Câu 23. Chọn đáp án đúng: Trong điều chế biên độ:

- A. Biên độ sóng mang biến đổi theo tín hiệu cần truyền đi
B. Biên độ tín hiệu cần truyền đi biến đổi theo sóng mang
C. Tần số sóng mang thay đổi theo tín hiệu cần truyền đi
D. Tần số tín hiệu cần truyền đi thay đổi theo sóng mang

Câu 24. Chọn đáp án đúng: Trong điều chế tần số:

- A. Biên độ sóng mang biến đổi theo tín hiệu cần truyền đi
B. Biên độ tín hiệu cần truyền đi biến đổi theo sóng mang
C. Tần số sóng mang thay đổi theo tín hiệu cần truyền đi
D. Tần số tín hiệu cần truyền đi thay đổi theo sóng mang

Câu 25. Vai trò của mạch điều chế:

- A. Truyền dẫn tín hiệu đi xa
B. Tăng cường biên độ tín hiệu mà không làm thay đổi dạng tín hiệu
C. Tách tín hiệu cần truyền ra khỏi sóng mang
D. Thay đổi dạng tín hiệu

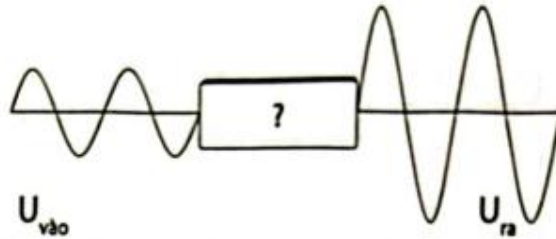
Câu 26. Vai trò của mạch khuếch đại tín hiệu

- A. Truyền dẫn tín hiệu đi xa
B. Tăng cường biên độ tín hiệu mà không làm thay đổi dạng tín hiệu
C. Tách tín hiệu cần truyền ra khỏi sóng mang
D. Thay đổi dạng tín hiệu

Câu 27. Vai trò của mạch giải điều chế tín hiệu

- A. Truyền dẫn tín hiệu đi xa
B. Tăng cường biên độ tín hiệu mà không làm thay đổi dạng tín hiệu
C. Tách tín hiệu cần truyền ra khỏi sóng mang
D. Thay đổi dạng tín hiệu

Câu 28. Để tín hiệu U_{ra} có dạng như tín hiệu $U_{vào}$ ở hình sau đây cần sử dụng mạch nào?



A. Mạch khuếch đại. B. Mạch so sánh. C. Mạch điều chế. D. Mạch giải điều chế.

Câu 29. Mạch nào sau đây có thể giúp truyền tín hiệu có tần số thấp đi xa?

A. Mạch khuếch đại. B. Mạch điều chế. C. Mạch tách sóng. D. Mạch cộng tín hiệu.

Câu 30. Trong phương pháp điều chế biên độ (AM), thành phần nào của sóng mang thay đổi theo biên độ của tín hiệu cần truyền?

A. Tần số. B. Biên độ. C. Pha. D. Biên độ kết hợp với tần số.

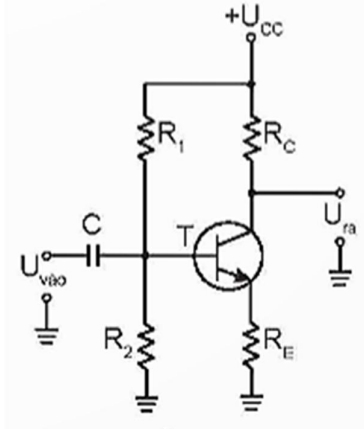
Câu 31. Việc tách tín hiệu cần truyền ra khỏi sóng mang được thực hiện bởi mạch nào sau đây?

A. Mạch giải điều chế. B. Mạch điều chế.
C. Mạch cộng hưởng. D. Mạch trừ.

Câu 32. Hiện nay, điều chế biên độ được ứng dụng trong các lĩnh vực nào?

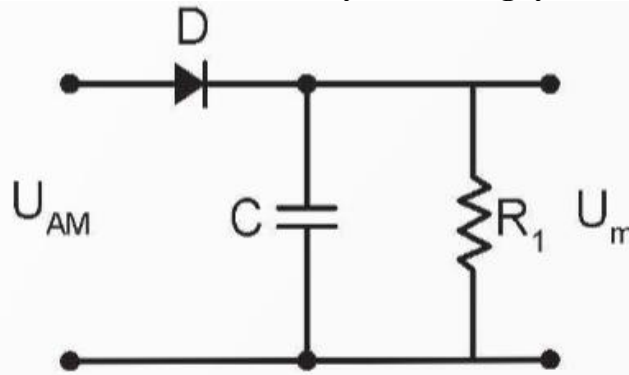
A. Lĩnh vực giáo dục B. Lĩnh vực thông tin liên lạc
C. Lĩnh vực hàng hải D. Lĩnh vực kinh doanh

Câu 33. Quan sát sơ đồ sau và cho biết đây là sơ đồ nguyên lý của mạch nào?



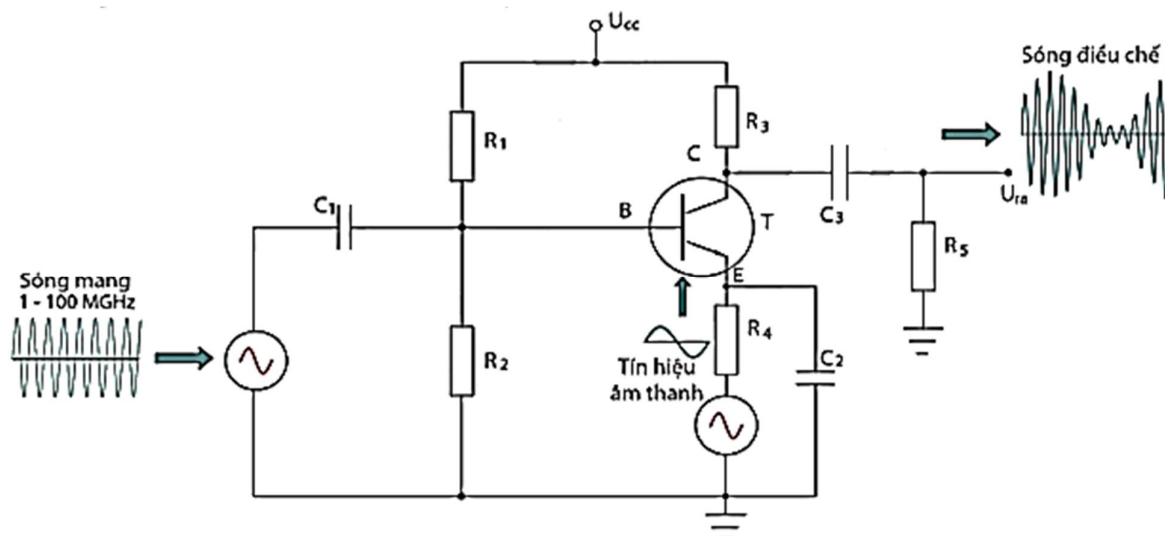
A. Mạch điều chế biên độ B. Mạch giải điều chế biên độ
C. Mạch khuếch đại biên độ điện áp D. Mạch điều chế tần số

Câu 34. Quan sát sơ đồ sau và cho biết đây là sơ đồ nguyên lý của mạch nào?



A. Mạch điều chế biên độ B. Mạch giải điều chế biên độ
C. Mạch khuếch đại biên độ điện áp D. Mạch điều chế tần số

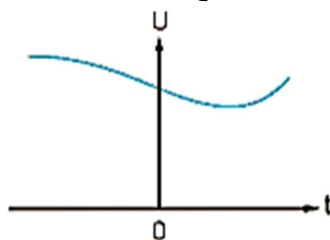
Câu 35. Quan sát sơ đồ sau và cho biết đây là sơ đồ nguyên lý của mạch nào?



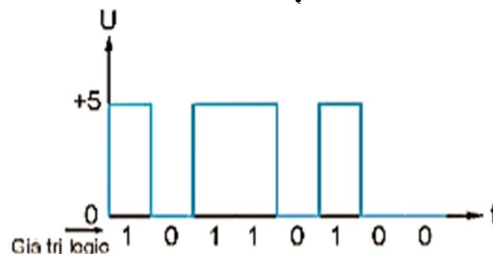
A. Mạch điều chế biên độ tín hiệu âm thanh B. Mạch giải điều chế biên độ tín hiệu âm thanh

C. Mạch khuếch đại tín hiệu âm thanh D. Mạch điều chế tần số tín hiệu âm thanh

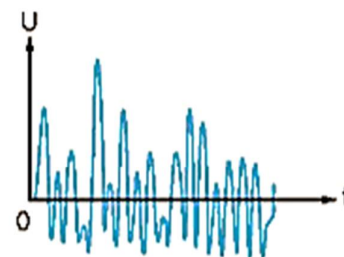
Câu 36. Quan sát hình sau và cho biết tín hiệu nào là tín hiệu tương tự?



a)



b)



c)

A. Đồ thị hình a B. Đồ thị hình b C. Đồ thị hình c D. Đồ thị hình a và c

Câu 37. Tên kênh phát sóng AM hiện nay của đài tiếng nói Việt Nam

A. Kênh VOV1 hệ thời sự chính trị tổng hợp B. Kênh VOV2 hệ chương trình văn hóa và đời sống xã hội

C. Kênh VOV giao thông D. Kênh VOV thời sự chính trị

Câu 38. Vì sao phải sử dụng sóng mang tần số cao để truyền đi xa

A. Vì tín hiệu mang thông tin thường có tần số thấp nên muốn truyền đi xa phải sử dụng sóng mang tần số cao với khả năng bức xạ thành sóng điện từ

B. Vì tín hiệu mang thông tin thường có biên độ thấp nên muốn truyền đi xa phải sử dụng sóng mang biên độ cao với khả năng bức xạ thành sóng điện từ

C. Vì tín hiệu mang thông tin thường có điện áp thấp nên muốn truyền đi xa phải sử dụng sóng mang điện áp cao với khả năng bức xạ thành sóng điện từ

D. Vì tín hiệu mang thông tin thường có dòng điện thấp nên muốn truyền đi xa phải sử dụng sóng mang dòng điện cao với khả năng bức xạ thành sóng điện từ

Câu 39. Ai là người phát minh ra điều chế biên độ (AM)

A. Edwin Howard Armstrong B. Reginald Fessenden

C. Albert Einstein D. Ernest Rutherford

Câu 40. Ai là người phát minh ra điều chế tần số (FM)

A. Edwin Howard Armstrong B. Reginald Fessenden

C. Albert Einstein D. Ernest Rutherford

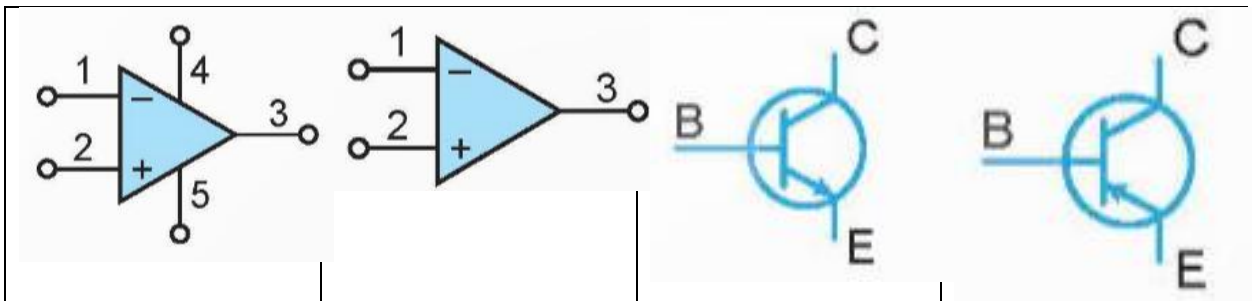
Câu 41. Để quan sát tín hiệu của các mạch xử lý tín hiệu tương tự thường sử dụng thiết bị nào?

- A. Máy đo tần số B. Công tơ điện C. Dao động kí D. Đồng hồ vạn năng

Câu 42. Khuếch đại thuật toán là:

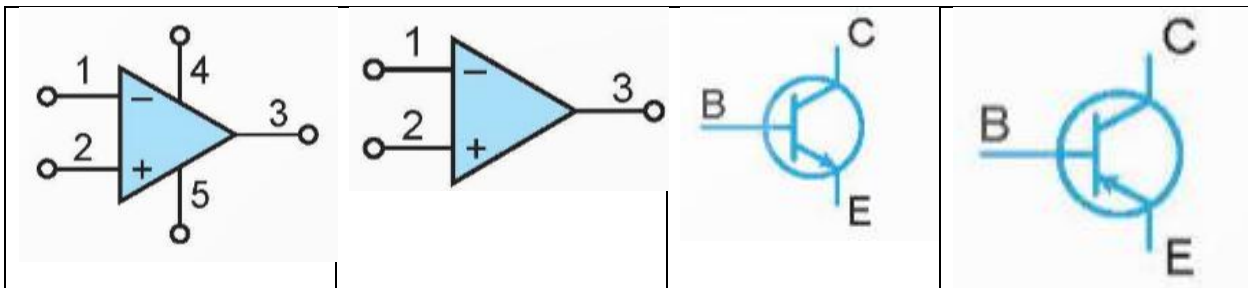
- A. Mạch tích hợp có hai lối vào, một lối ra và hệ số khuếch đại lớn.
B. Mạch tích hợp có hai lối vào, một lối ra và hệ số khuếch đại nhỏ.
C. Mạch tích hợp có một lối vào, hai lối ra và hệ số khuếch đại lớn.
D. Mạch tích hợp có một lối vào, hai lối ra và hệ số khuếch đại nhỏ.

Câu 43. Kí hiệu đầy đủ của mạch khuếch đại thuật toán:



- A. B. C. D.

Câu 44. Kí hiệu rút gọn của mạch khuếch đại thuật toán:



- A. B. C. D.

Câu 45. Một IC khuếch đại có thể có bao nhiêu thuật toán

- A. Chỉ có duy nhất một thuật toán
B. Có 2 thuật toán
C. Có 3 thuật toán
D. Có một hoặc nhiều thuật toán

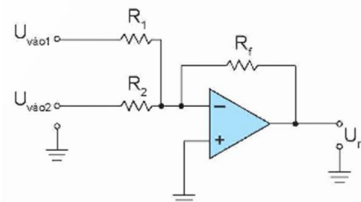
Câu 46. Điền từ thích hợp vào chỗ trống: Khuếch đại thuật toán thực hiện khuếch đại sự chênh lệch giữa điện áp...(1)..... và(2)..... sau đó kết quả đưa tới...(3).....

- A. (1) Lỗi vào không đảo, (2) lỗi ra, (3) lỗi vào đảo
B. (1) lỗi vào đảo, (2) không đảo; (3) lỗi ra
C. (1) lỗi ra, (2) lỗi vào đảo, (3) lỗi vào không đảo
D. (1) lỗi ra, (2) lỗi vào không đảo, (3) lỗi vào đảo

Câu 47. Đâu không phải là ứng dụng của khuếch đại thuật toán?

- A. Khuếch đại đảo B. Khuếch đại nghịch C. Cộng đảo D. Cộng không đảo

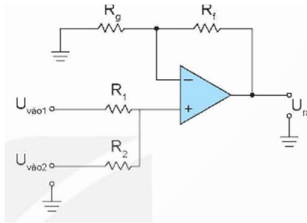
Câu 48. Quan sát hình sau và cho biết đây là sơ đồ của mạch nào?



- A. Sơ đồ mạch khuếch đại đảo
B. Sơ đồ mạch khuếch đại không đảo
C. Sơ đồ mạch cộng đảo
D. Sơ đồ mạch cộng không đảo

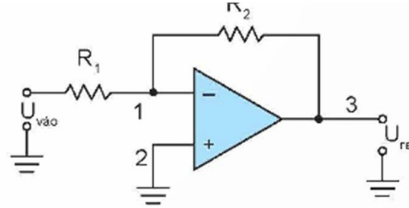
Câu 49. Quan sát hình sau và cho biết đây là sơ đồ của mạch nào?

- A. Sơ đồ mạch khuếch đại đảo
- B. Sơ đồ mạch khuếch đại không đảo
- C. Sơ đồ mạch cộng không đảo
- D. Sơ đồ mạch cộng đảo



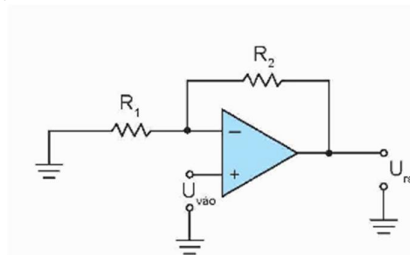
Câu 50. Quan sát hình sau và cho biết đây là sơ đồ của mạch nào?

- A. Sơ đồ mạch khuếch đại đảo
- B. Sơ đồ mạch khuếch đại không đảo
- C. Sơ đồ mạch cộng không đảo
- D. Sơ đồ mạch cộng đảo



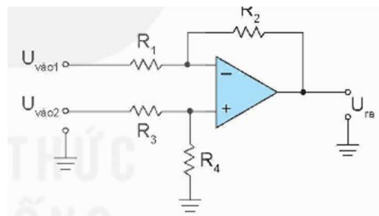
Câu 51. Quan sát hình sau và cho biết đây là sơ đồ của mạch nào?

- A. Sơ đồ mạch khuếch đại đảo
- B. Sơ đồ mạch khuếch đại không đảo
- C. Sơ đồ mạch cộng không đảo
- D. Sơ đồ mạch cộng đảo



Câu 52. Quan sát hình sau và cho biết đây là sơ đồ của mạch nào?

- A. Sơ đồ mạch khuếch đại đảo
- B. Sơ đồ mạch trừ
- C. Sơ đồ mạch so sánh
- D. Sơ đồ mạch cộng đảo



Câu 53. Khuếch đại thuật toán có hai đầu vào, được kí hiệu là “-” và “+”. Ý nghĩa của các dấu này trên kí hiệu khuếch đại thuật toán là gì?

- A. Đầu vào đảo kí hiệu dấu “-” ; đầu vào không đảo kí hiệu dấu “+”.
- B. Đầu vào đảo kí hiệu dấu “+” ; đầu vào không đảo kí hiệu dấu “-”.
- C. Các kí hiệu này chỉ dành cho mạch khuếch đại đảo.
- D. Các kí hiệu này chỉ dành cho mạch khuếch đại không đảo.

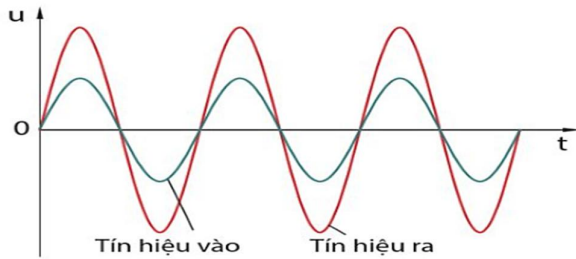
Câu 54. Ứng dụng của mạch so sánh:

- A. So sánh điện áp vào với giá trị điện áp ngưỡng
- B. So sánh tần số vào với giá trị tần số ra
- C. So sánh biên độ vào với giá trị biên độ ra
- D. So sánh các tín hiệu điện trở ở đầu vào

Câu 55. Hệ số khuếch đại của mạch khuếch đại đảo phụ thuộc vào:

- A. Chu kì và tần số của tín hiệu đưa vào.
- B. Độ lớn của điện áp vào.
- C. Trị số của các điện trở R1 và R2
- D. Độ lớn của điện áp ra.

Câu 56. Dạng tín hiệu lỗi vào và lỗi ra trong hình sau thuộc mạch nào?



A. Khuếch đại đảo B. Khuếch đại không đảo C. Cộng đảo D. Cộng không đảo

Câu 57. Cổng AND thực hiện phép logic gì?

A. “đảo” B. “và” C. “hoặc” D. “hoặc đảo”

Câu 58. Cổng OR thực hiện phép logic gì?

A. “đảo” B. “và” C. “hoặc” D. “hoặc đảo”

Câu 59. Cổng logic có đặc điểm đầu ra bằng 0, khi tất cả đầu vào bằng 1 là cổng nào?

A. NAND B. NOT C. OR D. AND

Câu 60. Cổng logic có đặc điểm đầu ra có giá trị đảo lại giá trị đầu vào là cổng nào?

A. OR B. NOT C. NOR D. AND

Câu 61. Công dụng của cổng AND

A. Sử dụng trong việc cộng logic B. Sử dụng để đảo ngược trạng thái của mạch cộng logic
C. Sử dụng trong việc nhân logic D. Sử dụng để đảo ngược trạng thái đầu vào

Câu 62. Công dụng của cổng NOT

A. Sử dụng trong việc cộng logic B. Sử dụng để đảo ngược trạng thái của mạch cộng logic
C. Sử dụng trong việc nhân logic D. Sử dụng để đảo ngược trạng thái đầu vào

Câu 63. Công dụng của cổng NAND

A. Sử dụng trong việc cộng logic B. Sử dụng trong việc nhân logic
C. Sử dụng để đảo ngược trạng thái của mạch nhân logic
D. Sử dụng để đảo ngược trạng thái của mạch cộng logic

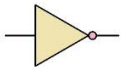
Câu 64. Hàm logic NOR

A. $y = x_1 \cdot x_2$ B. $y = x_1 + x_2$ C. $y = \overline{x_1 + x_2}$ D. $y = \overline{x_1 \cdot x_2}$

Câu 65. Hàm logic NAND

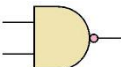
A. $y = x_1 \cdot x_2$ B. $y = x_1 + x_2$ C. $y = \overline{x_1 + x_2}$ D. $y = \overline{x_1 \cdot x_2}$

Câu 66. Kí hiệu cổng logic hình bên dưới là:



A. AND
B. OR
C. NOT
D. NOR

Câu 67. Kí hiệu cổng logic hình bên dưới là:



A. AND
B. OR
C. NOT
D. NAND

Câu 68. Hàm $y = \overline{x_1 + x_2}$ là hàm logic:

A. AND B. NOR C. NOT D. NAND

Câu 69. Hàm $y = x_1 + x_2$ là hàm logic:

A. AND B. OR C. NOT D. NOR

Câu 70. Bộ xử lý trung tâm là

- A. CU B. USB C. CPU D. ALU

Câu 71. CPU được cấu tạo từ?

- A. Bộ số học và logic, bộ điều khiển B. Bộ điều khiển, bộ nhớ trong
C. Bộ điều khiển, bộ nhớ ngoài D. Bộ số học và logic, bộ nhớ trong

Câu 72. Bộ phận nào thực hiện tất cả các phép tính số học và logic trong máy tính?

- A. Bộ điều khiển B. Bộ nhớ trong C. Bộ số học và logic D. Bộ nhớ ROM

Câu 73. Bộ phận nào phối hợp đồng bộ các thiết bị của máy tính, đảm bảo máy tính thực hiện đúng chương trình?

- A. Bộ điều khiển B. Bộ số học và logic C. Bộ điều khiển D. Bộ nhớ ROM

Câu 74. Đồng hồ xung được dùng để?

- A. Phối hợp đồng bộ các thiết bị của máy tính, đảm bảo máy tính thực hiện đúng chương trình
B. Thực hiện tất cả các phép tính số học và logic trong máy tính

C. Tạo ra các xung điện áp gửi đến mọi thành phần của máy để đồng bộ các hoạt động

- D. Tạo ra các xung điện áp

Câu 75. Tần số đồng hồ xung được dùng để?

- A. Tạo ra các xung điện áp B. Đánh giá tốc độ của CPU

- C. Phối hợp đồng bộ các thiết bị của máy tính, đảm bảo máy tính thực hiện đúng chương trình
D. Thực hiện tất cả các phép tính số học và logic trong máy tính

Câu 76. Tìm câu trả lời sai RAM là?

- A. Bộ nhớ có thể ghi được B. Dùng để ghi dữ liệu tạm thời trong khi chạy các chương trình
C. Không dữ được lâu dài các dữ liệu tạm thời D. Vùng nhớ chỉ đọc

Câu 77. Tìm câu trả lời sai ROM là?

- A. Bộ nhớ được ghi bằng phương tiện chuyên dùng
B. Các chương trình ứng dụng chỉ có thể đọc mà không thể ghi hay xóa
C. Không cần nguồn nuôi D. Bộ nhớ có thể ghi được

Câu 78. Thiết bị quan trọng nhất bên trong thân máy là?

- A. CPU B. Bộ nhớ ngoài C. Bộ nhớ trong D. Thanh ghi

Câu 79. Cách thức xử lý dữ liệu của CPU được dựa trên cơ sở hoạt động của?

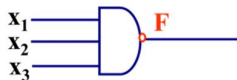
- A. Các mạch logic B. Dữ liệu trong bộ nhớ ngoài
C. Dữ liệu trong bộ nhớ trong D. Các vi mạch điện tử

Câu 80. Hệ nhị phân dùng chữ số nào dưới đây?

- A. 0 và 1 B. 0 đến 9 C. 0 đến 7 D. 0 đến 9 và ký tự A, B, C, D, E, F

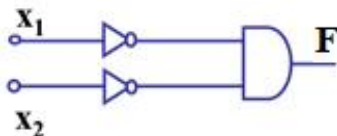
PHẦN II: Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Cho mạch logic tổ hợp có cấu trúc như hình vẽ



- A. Cổng logic là NAND (Đ)
B. Đầu ra $F = \overline{x_1 \cdot x_2 \cdot x_3}$ (Đ)
C. Giá trị của hàm F khi $x_1=x_2=x_3=0$ là 0 (S)
D. Giá trị của hàm F khi $x_1=x_2=x_3=1$ là 0 (Đ)

Câu 2: Cho mạch logic tổ hợp có cấu trúc như hình vẽ



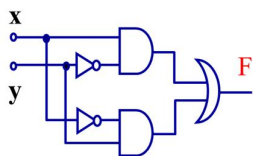
- A. Mạch logic gồm cổng NOT và cổng AND (Đ)

B. Đầu ra $F = \bar{x}_1 \cdot \bar{x}_2$ (Đ)

C. Giá trị của hàm F khi $x_1=x_2=0$ là 0 (S)

D. Giá trị của hàm F khi $x_1=x_2=1$ là 0 (Đ)

Câu 3: Cho mạch logic tổ hợp có cấu trúc như hình vẽ



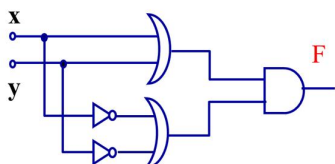
A. Mạch logic gồm cổng NOT, cổng AND và OR (Đ)

B. Biểu thức ở ngõ ra của hàm $F = x \cdot \bar{y} + \bar{x} \cdot y$ (Đ)

C. Khi $x = 0, y = 1$ thì $F = 1$ (Đ)

D. Khi $x = 1, y = 0$ thì $F = 0$ (S)

Câu 4: Cho mạch logic tổ hợp có cấu trúc như hình vẽ



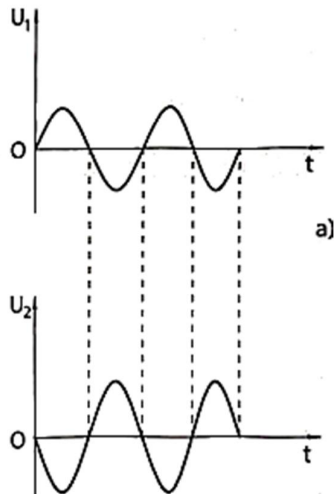
A. Mạch logic gồm cổng NOT, cổng AND và OR (Đ)

B. Biểu thức ở ngõ ra của hàm $F = (x + y)(\bar{x} + \bar{y})$ (Đ)

C. Khi $x = 1, y = 1$ thì $F = 1$ (S)

D. Rút gọn F ta được $F = x \cdot \bar{y} + \bar{x} \cdot y$ (Đ)

Câu 5: Mạch khuếch đại tín hiệu là mạch điện tử làm tăng biên độ tín hiệu mà không làm thay đổi dạng tín hiệu. Hình bên là các tín hiệu vào và ra của mạch khuếch đại. Như vậy, U_1 và U_2 có mối quan hệ:



A. U_1 là tín hiệu đầu ra, U_2 là tín hiệu đầu vào của mạch khuếch đại.

B. U_1 là tín hiệu đầu vào, U_2 là tín hiệu đầu ra của mạch khuếch đại.

C. U_2 được khuếch đại và giữ nguyên dạng tín hiệu so với U_1

D. U_2 được khuếch đại nhưng bị méo dạng tín hiệu so với U_1